SỞ Y TẾ NINH THUẬN **BỆNH VIỆN TỈNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 3907 /BVT- KHTH V/v Triển khai danh mục kỹ thuật được Sở Y tế phê duyệt thực hiện tại bệnh viện tỉnh.	*Ninh Thuận, ngày 12 tháng 12 năm 2016*

Kính gửi: Lãnh đạo khoa, phòng.

Căn cứ Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11 tháng 12 năm 2013 của Bộ Y tế quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

Bệnh biện đa khoa tỉnh thông báo cho các khoa, phòng danh mục kỹ được Sở Y tế phê duyệt tổng cộng 7.358 kỹ thuật cụ thể các quyết định như sau:

- Quyết định số 2223/QĐ-SYT, ngày 30/6/2014: 7.086 kỹ thuật;
- Quyết định 4369/QĐ-SYT, ngày 31/12/2014: 182 kỹ thuật;
- Quyết định 4370/QĐ-SYT, ngày 31/12/2014: 65 kỹ thuật;
- Quyết định số 1233/QĐ-SYT, ngày13/4/2016: 14 kỹ thuật;
- Quyết định số 2070/QĐ-SYT, ngày13/6/2016: 11 kỹ thuật.

Đề nghị các khoa, phòng phổ biến Danh mục kỹ thuật cho toàn thể nhân viên bệnh viện được biết để thực hiện đúng theo quy định và đảm bảo quyền lợi cho bệnh nhân.

Trân trọng cảm ơn./.

(Đính kèm Danh mục kỹ thuật được Sở Y tế phê duyệt thực hiện được tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Ninh Thuận).

Nơi nhận: - Ban giám đốc; - Các khoa, phòng; - Lưu: KHTH.	**GIÁM ĐỐC** BỆNH VIỆN TỈNH NINH THUẬN BSCKII. THÁI PHƯƠNG PHIÊN

660

UBND TỈNH NINH THUẬN **SỞ Y TẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 4379/QĐ-SYT	*Ninh Thuận, ngày 31 tháng 12 năm 2014*

BỆNH VIỆN TỈNH NINH THUẬN
ĐẾN Số: 1127
Ngày: 23/1/15
Chuyển: Lưu

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt bổ sung Danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh thực hiện tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Ninh Thuận

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Quyết định số 162/2008/QĐ-UB ngày 20/6/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của Sở Y tế Ninh Thuận;

Căn cứ Quyết định số 4069/QĐ-BYT ngày 11/10/2013 Bộ Y tế về việc phê duyệt bổ sung Danh mục 44 kỹ thuật trong khám, chữa bệnh thực hiện tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Ninh Thuận;

Căn cứ Quyết định số 06/2015/QĐ-UBND ngày 21/01/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc Ban hành Bảng giá dịch vụ kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh thực hiện tại các cơ sở khám, chữa bệnh của Nhà nước trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận; Quyết định số 03/2014/QĐ-UBND ngày 09/01/2014 Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc Ban hành Bảng giá dịch vụ kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh tuyến Trung ương thực hiện tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh, Bệnh viện hạng II và tuyến xã trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận; Quyết định số 40/2012/QĐ-UBND ngày 14/8/2012 Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc Ban hành giá thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;

Xét Biên bản họp Hội đồng chuyên môn thẩm định xét duyệt danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Ninh Thuận;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Nghiệp vụ Y Sở Y tế và Giám đốc Bệnh viện đa khoa tỉnh Ninh Thuận,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt bổ sung ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh thực hiện tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Ninh Thuận, gồm có 6 nhóm và 65 kỹ thuật không có tên trong Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế. Trong đó, có 41 kỹ thuật đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận phê duyệt giá thu dịch vụ và 24 kỹ thuật đã được Bộ Y tế phê duyệt.

Điều 2. Bệnh viện đa khoa tỉnh Ninh Thuận có nhiệm vụ bảo đảm về cơ sở vật chất, trang thiết bị, nhân lực có trình độ chuyên môn để thực hiện các kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh đúng theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, ban hành.

Các Trưởng phòng Nghiệp vụ Y, Trưởng phòng Nghiệp vụ Dược, Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính Sở Y tế, Giám đốc Bệnh viện đa khoa tỉnh Ninh Thuận chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Giám đốc Sở;
- BHXH tỉnh Ninh Thuận;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ

Lê Minh Định

DANH MỤC KỸ THUẬT TRONG KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH TẠI BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH NINH THUẬN

(Kèm theo Quyết định số 457/QĐ-SYT ngày 31 / 12 / 2014 của Sở Y tế tỉnh Ninh Thuận)

STT	DANH MỤC KỸ THUẬT	THỰC HIỆN
I	**DA LIỄU**	
1	Điều trị bệnh da bằng Laser cầu da (Skintags)	x
2	Điều trị bệnh da bằng Laser đốm nâu	x
3	Điều trị bệnh da bằng Laser kén thượng bì (Epidernal cyst)	x
4	Điều trị bệnh da bằng Laser móng quập	x
5	Điều trị bệnh da bằng Laser mụn cóc	x
6	Điều trị bệnh da bằng Laser mụn cóc lòng bàn chân	x
7	Điều trị bệnh da bằng Laser mụn cóc phẳng	x
8	Điều trị bệnh da bằng Laser mụn ruồi	x
9	Điều trị bệnh da khác bằng Laser	x
II	**NGOẠI KHOA**	
	A. CHỈNH HÌNH	
10	Phẫu thuật chuyển cơ dép cẳng chân	x
11	Đục xương sửa trục (xương cánh tay, cẳng tay, xương đùi, cẳng chân, bàn tay, bàn chân)	x
12	Phẫu thuật đặt cố định ngoài Ilirarov	x
13	Phẫu thuật đặt cố định ngoài qua khớp gối	x
14	Phẫu thuật đặt cố định ngoài xương cánh tay	x
15	Phẫu thuật xuyên kim tăm nhang gãy trên lồi cầu	x
16	Phẫu thuật xuyên kim tăm nhang gãy đầu dưới xương quay	x
17	Phẫu thuật khâu nối mạch máu dưới kính lúp	x
18	Phẫu thuật đặt nẹp luồng trong gãy nát 2 xương cẳng chân	x
19	Chụp C-arm	x
20	Phẫu thuật đính ngón	x
21	Tháo bột: cột sống/lưng/khớp háng/xương đùi/xương chậu	x
22	Tháo bột khác	x
23	Thay chỏm xương đùi trong u phá hủy xương	x
24	Thay toàn bộ khớp gối	x
25	Giải phóng chèn ép chấn thương cột sống cổ lấy bỏ thân đốt sống hàn xương tự thân	x
26	Giải phóng chèn ép kết hợp nẹp vít xương cột sống cổ	x
27	Phẫu thuật cắt bỏ sụn chêm	x
28	Nối lại chi đứt lìa	x
29	Tạo hình phủ các khuyết phần mềm bằng ghép da vi phẫu	x
30	Phẫu thuật cắt bỏ, làm sạch tổ chức thoái hóa trong khớp gối	x
31	Thay khớp háng bán phần trong gãy cổ xương đùi, gãy liên mấu chuyển xương đùi ở người lớn tuổi (có xi măng hoặc không có xi măng)	x
32	Thay một lồi cầu xương đùi	x
33	Đóng đinh nội tủy kín trong gãy thân xương cánh tay có liệt thần kinh quay hoặc không	x
34	Đóng đinh kín có chốt trong gãy xương đùi, xương cẳng chân	x
35	Xuyên kim kirschner qua da không mở ổ gãy	x

36	Phẫu thuật điều trị gãy toát mâm chày di lệch sang bên	x
37	Kết hợp xương tối thiểu trong gãy liên mấu chuyển, gãy cổ xương đùi ở bệnh nhân trẻ tuổi	x
38	Phẫu thuật lấy nhân thoát vị đĩa đệm cột sống cổ có hàn xương bằng dụng cụ hoặc hàn xương đơn thuần, thay đĩa đệm nhân tạo	x
39	Khâu lại sụn chêm rách	x
	B. SỌ NÃO	
40	Phẫu thuật lõm sọ (nâng xương lún người lớn)	x
41	Lưu trữ nắp sọ	x
42	Nhấc xương đầu lún qua da ở trẻ em	x
	C. TỔNG QUÁT	
43	Phẫu thuật cột mạch máu trong ổ bụng cầm máu	x
44	Rút ống dẫn lưu các loại	x
45	Phẫu thuật gan mật, túi mật, nang gan, lấy sỏi qua nội soi	x
III	**PHỤ SẢN**	
46	Phẫu thuật áp xe phần phụ	x
47	Phẫu thuật u lạc nội mạc buồng trứng	x
48	Phẫu thuật lấy khối máu tụ thành nang	x
IV	**TAI MŨI HỌNG**	
49	Đo chức năng vòi nhĩ	x
50	Phẫu thuật huyết tụ vành tai	x
51	Chỉ định dùng máy trợ thính (hướng dẫn)	x
V	**ĐIỆN QUANG**	
52	Chụp quang kích chậu	x
VI	**HÓA SINH**	
53	SYPHILIS test (Test nhanh)	x
54	PRE β HCG	x
55	S100 BETA	x
56	Interleukin 2 (IL-2)	x
57	hGH	x
58	CYP 2 C19	x
59	TB Test (Tuberculosis test)	x
60	Định lượng Methanol	x
61	Nuôi cấy và định danh vi khuẩn bằng máy định danh Phonenix	x
62	Thử nghiệm MIC (xác định nồng độ ức chế tối thiểu)	x
63	Chẩn đoán huyết thanh một số bệnh ký sinh trùng	x
64	HCV - ARN	x
65	HBV - ADN	x

UBND TỈNH NINH THUẬN
SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 4369/QĐ-SYT

Ninh Thuận, ngày 31 tháng 12 năm 2014

BỆNH VIỆN TỈNH NINH THUẬN
ĐẾN Số: 1123
Ngày: 23/7/15

QUYẾT ĐỊNH

V/v Phê duyệt bổ sung Danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh thuộc tuyến 1 thực hiện tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Ninh Thuận

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Quyết định số 162/2008/QĐ-UB ngày 20/6/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của Sở Y tế Ninh Thuận;

Căn cứ Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Xét Biên bản họp Hội đồng chuyên môn thẩm định xét duyệt danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Ninh Thuận;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Nghiệp vụ Y Sở Y tế và Giám đốc Bệnh viện đa khoa tỉnh Ninh Thuận,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt bổ sung ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh thực hiện tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Ninh Thuận, gồm có 11 nhóm và 182 kỹ thuật theo tuyến chuyên môn kỹ thuật thuộc tuyến 1.

Điều 2. Bệnh viện đa khoa tỉnh Ninh Thuận có nhiệm vụ bảo đảm về cơ sở vật chất, trang thiết bị, nhân lực có trình độ chuyên môn để thực hiện các kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh đúng theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, ban hành.

Các Trưởng phòng Nghiệp vụ Y, Trưởng phòng Nghiệp vụ Dược, Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính Sở Y tế, Giám đốc Bệnh viện đa khoa tỉnh Ninh Thuận chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Giám đốc Sở;
- BHXH tỉnh Ninh Thuận;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC

Lê Minh Định

DANH MỤC KỸ THUẬT TRONG KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH
TẠI BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH NINH THUẬN

(Kèm theo Quyết định số 4369 /QĐ-SYT ngày 31 / 12 / 2014 của Sở Y tế tỉnh Ninh Thuận)

STT	TT 43	DANH MỤC KỸ THUẬT	THỰC HIỆN
			TUYẾN I
I	III. NHI KHOA		
		IV. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	
		A. VẬT LÝ TRỊ LIỆU - PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	
1	699.	Laser chiếu ngoài	x
2	700.	Laser điều trị	x
3	701.	Laser nội mạch	x
4	702.	Điện vi dòng giảm đau	x
5	703.	Giao thoa điện	x
6	704.	Chẩn đoán điện	x
7	724.	Điều trị sẹo bỏng bằng laser YAC	x
		V. NỘI SOI CHẨN ĐOÁN, CAN THIỆP	
8	1026.	Nội soi lồng ngực để chẩn đoán và điều trị	x
9	1075.	Nội soi rút sonde JJ	x
		XIX. NGOẠI KHOA	
10	3381.	Phẫu thuật thoát vị rốn và khe hở thành bụng	x
		XX. PHẪU THUẬT NỘI SOI	
		B. TAI – MŨI – HỌNG	
11	3949.	Phẫu thuật nội soi lấy u lành tính hòm nhĩ	x
		C. LỒNG NGỰC – PHỔI – TIM MẠCH	
12	3967.	Phẫu thuật nội soi cắt hạch giao cảm	x
II	IX. GÂY MÊ HỒI SỨC		
		B. GÂY MÊ	
13	929.	Gây mê phẫu thuật KHX gãy cổ chân	x
		C. HỒI SỨC	
14	2137.	Hồi sức phẫu thuật điều trị đa chấn thương vùng hàm mặt	x
15	2347.	Hồi sức phẫu thuật KHX gãy cổ chân	x
III	X. NGOẠI KHOA		
		A. THẦN KINH - SỌ NÃO	
16	22.	Phẫu thuật vá đường dò dịch não tuỷ nền sọ sau CTSN	x
17	150.	Phẫu thuật nối thần kinh ngoại biên và ghép TK ngoại biên	x
		D. TIÊU HÓA	
18	499.	Khâu vết thương tĩnh mạch mạc treo tràng trên	x
19	500.	Khâu vết thương động mạch mạc treo tràng trên	x
20	503.	Cắt toàn bộ ruột non	x
21	520.	Cắt đại tràng phải hoặc đại tràng trái, đóng đầu dưới, đưa đầu trên ra ngoài kiểu Hartmann	x
22	521.	Cắt toàn bộ đại tràng, nối ngay ruột non – trực tràng	x
23	523.	Cắt toàn bộ đại trực tràng, đưa hồi tràng ra làm hậu môn nhân tạo	x
24	547.	Phẫu thuật cắt 1 búi trĩ	x
25	548.	Phẫu thuật lấy trĩ tắc mạch	x
26	557.	Phẫu thuật điều trị rò hậu môn đơn giản	x

27	558.	Phẫu thuật điều trị rò hậu môn phức tạp	x
28	559.	Phẫu thuật điều trị rò hậu môn cắt cơ thắt trên chỉ chờ	x
		Đ. GAN - MẬT - TỤY	
29	577.	Cắt gan trái	x
30	627.	Mở ống mật chủ lấy sỏi có can thiệp đường mật	x
31	633.	Nối mật ruột tận - bên	x
32	634.	Nối ngã ba đường mật hoặc ống gan phải hoặc ống gan trái với hỗng tràng	x
33	657.	Cắt một phần tuỵ	x
		E. THÀNH BỤNG - CƠ HOÀNH - PHÚC MẠC	
34	712.	Lấy u phúc mạc	x
		G. CHẤN THƯƠNG – CHỈNH HÌNH	
35	723.	Phẫu thuật KHX gãy cổ giải phẫu và phẫu thuật xương cánh tay	x
36	724.	Phẫu thuật KHX gãy trật cổ xương cánh tay	x
37	744.	Phẫu thuật KHX gãy trật khớp cổ tay	x
38	745.	Phẫu thuật KHX gãy chỏm đốt bàn và ngón tay	x
39	746.	Phẫu thuật KHX gãy thân đốt bàn và ngón tay	x
40	747.	Phẫu thuật KHX gãy lồi cầu xương bàn và ngón tay	x
41	748.	Phẫu thuật tổn thương dây chằng của đốt bàn – ngón tay	x
42	752.	Phẫu thuật tổn thương gân gấp ở vùng cấm (Vùng II)	x
43	760.	Phẫu thuật KHX gãy phức tạp chỏm xương đùi – trật háng	x
44	771.	Phẫu thuật KHX gãy Hoffa đầu dưới xương đùi	x
45	774.	Phẫu thuật lấy toàn bộ xương bánh chè	x
46	777.	Phẫu thuật KHX gãy hai mâm chày	x
47	782.	Phẫu thuật KHX gãy đầu dưới xương chày (Pilon)	x
48	783.	Phẫu thuật KHX gãy 2 mắt cá cổ chân	x
49	787.	Phẫu thuật KHX gãy trật xương sên	x
50	788.	Phẫu thuật KHX gãy xương gót	x
51	789.	Phẫu thuật KHX gãy trật xương gót	x
52	790.	Phẫu thuật KHX trật khớp Lisfranc	x
53	791.	Phẫu thuật KHX gãy trật đốt bàn ngón chân	x
54	792.	Phẫu thuật KHX gãy nền đốt bàn ngón 5 (bàn chân)	x
55	796.	Phẫu thuật KHX gãy hở độ II trên và liên lồi cầu xương đùi	x
56	797.	Phẫu thuật KHX gãy hở độ III trên và liên lồi cầu xương đùi	x
57	804.	Phẫu thuật KHX gãy hở liên lồi cầu xương cánh tay	x
58	812.	Phẫu thuật vết thương phần mềm tổn thương thần kinh giữa, thần kinh trụ, thần kinh quay	x
59	813.	Phẫu thuật chuyển vạt che phủ phần mềm cuống mạch liền	x
60	814.	Phẫu thuật chuyển vạt che phủ phần mềm cuống mạch rời	x
61	818.	Phẫu thuật tạo hình tổn thương dây chằng mạn tính của ngón I	x
62	822.	Phẫu thuật sửa trục điều trị lệch trục sau gãy đầu dưới xương quay	x
63	841.	Tái tạo phục hồi tổn thương gân gấp 2 thì	x
64	849.	Phẫu thuật làm cứng khớp bàn, ngón tay	x
65	859.	Phẫu thuật bệnh lý nhiễm trùng bàn tay	x
66	867.	Phẫu thuật kết hợp xương gãy xương sên và trật khớp	x
67	868.	Phẫu thuật kết hợp xương gãy xương gót	x
68	869.	Phẫu thuật kết hợp xương chấn thương Lisfranc và bàn chân giữa	x
69	872.	Phẫu thuật kết hợp xương trật khớp dưới sên	x
70	873.	Phẫu thuật kết hợp xương gãy trật khớp cổ chân ở trẻ em	x

71	883.	Phẫu thuật điều trị gân bánh chè	x
72	884.	Phẫu thuật điều trị đứt gân cơ nhị đầu đùi	x
73	886.	Phẫu thuật điều trị đứt gân Achille tới muộn	x
74	908.	Phẫu thuật kết hợp xương gãy trên lồi cầu xương cánh tay có tổn thương mạch và thần kinh	x
75	923.	Phẫu thuật kết hợp xương gãy bong sụn vùng cổ xương đùi	x
76	925.	Phẫu thuật kết hợp xương gãy xương bệnh lý	x
77	926.	Phẫu thuật chỉnh sửa sau gãy xương Cal lệch xương	x
78	938.	Phẫu thuật làm vận động khớp gối	x
79	940.	Phẫu thuật vi phẫu nối mạch chi	x
80	941.	Phẫu thuật sửa trục chi (kết hợp xương bằng nẹp vis, Champon, Kim K.Wire)	x
81	950.	Phẫu thuật làm cứng khớp gối	x
82	951.	Phẫu thuật gỡ dính khớp gối	x
83	966.	Phẫu thuật nối thần kinh (1 dây)	x
84	967.	Phẫu thuật lấy bỏ u xương	x
85	972.	Phẫu thuật U máu	x
86	973.	Phẫu thuật gỡ dính gân gấp	x
87	974.	Phẫu thuật gỡ dính gân duỗi	x
88	975.	Phẫu thuật gỡ dính thần kinh	x
89	982.	Phẫu thuật viên tẩy bao hoạt dịch bàn tay	x
		H. CỘT SỐNG	
90	1037.	Phẫu thuật tạo hình cung sau cột sống cổ trong bệnh lý hẹp ống sống cổ đa tầng	x
91	1038.	Kết hợp xương nẹp vít cột sống cổ lối sau	x
92	1039.	Phẫu thuật ghép xương trong chấn thương cột sống cổ	x
93	1040.	Phẫu thuật giải ép, lấy TVĐĐ cột sống cổ đường sau vi phẫu	x
94	1041.	Cắt một phần bản sống trong hẹp ống sống cổ	x
95	1042.	Phẫu thuật giải ép, ghép xương liên thân đốt và cố định cột sống cổ đường trước	x
96	1043.	Kéo cột sống bằng khung Halo	x
97	1079.	Phẫu thuật lấy thoát vị đĩa đệm cột sống thắt lưng vi phẫu	x
98	1081.	Phẫu thuật lấy thoát vị đĩa đệm cột sống thắt lưng sử dụng nẹp cố định liên gai sau (DIAM, Silicon, Coflex, Gelfix ...)	x
99	1082.	Phẫu thuật thay đĩa đệm nhân tạo cột sống thắt lưng - cùng	x
IV	XI. BỎNG		
		A. ĐIỀU TRỊ BỎNG	
		1. Thay băng bỏng	
100	1.	Thay băng điều trị vết bỏng trên 60% diện tích cơ thể ở người lớn	x
101	2.	Thay băng điều trị vết bỏng từ 40% - 60% diện tích cơ thể ở người lớn	x
102	6.	Thay băng điều trị vết bỏng trên 60% diện tích cơ thể ở trẻ em	x
		2. Phẫu thuật, thủ thuật điều trị bỏng	
103	17.	Cắt bỏ hoại tử tiếp tuyến bỏng sâu trên 10% diện tích cơ thể ở người lớn	x
104	20.	Cắt bỏ hoại tử tiếp tuyến bỏng sâu trên 5% diện tích cơ thể ở trẻ em	x
105	23.	Cắt bỏ hoại tử toàn lớp bỏng sâu trên 5% diện tích cơ thể ở người lớn	x
106	26.	Cắt bỏ hoại tử toàn lớp bỏng sâu trên 3% diện tích cơ thể ở trẻ em	x
107	29.	Ghép da tự thân mảnh lớn trên 10% diện tích cơ thể ở người lớn	x
108	32.	Ghép da tự thân mảnh lớn trên 5% diện tích cơ thể ở trẻ em	x
109	35.	Ghép da tự thân mắt lưới (mesh graft) ≥ 10% diện tích cơ thể ở người lớn	x
110	37.	Ghép da tự thân mắt lưới (mesh graft) ≥ 5% diện tích cơ thể ở trẻ em	x

111	39.	Ghép da tự thân tem thư (post stam graft) ≥ 10% diện tích cơ thể ở người lớn	x
112	41.	Ghép da tự thân tem thư (post stam graft) ≥ 5% diện tích cơ thể ở trẻ em	x
113	43.	Ghép da tự thân mảnh siêu nhỏ (micro skin graft) ≥ 10% diện tích cơ thể ở người lớn	x
114	45.	Ghép da tự thân mảnh siêu nhỏ (micro skin graft) ≥ 5% diện tích cơ thể ở trẻ em	x
115	47.	Ghép da tự thân phối hợp kiểu hai lớp (sandwich) ≥ 10% diện tích cơ thể ở người lớn	x
116	49.	Ghép da tự thân phối hợp kiểu hai lớp (sandwich) ≥ 5% diện tích cơ thể ở trẻ em	x
117	51.	Ghép da tự thân xen kẽ (molem-jackson) ≥ 10% diện tích cơ thể ở người lớn	x
118	53.	Ghép da tự thân xen kẽ (molem-jackson) ≥ 5% diện tích cơ thể ở trẻ em	x
119	60.	Phẫu thuật ghép da dày tự thân kiểu wolf- krause ≥ 3% diện tích cơ thể ở người lớn điều trị bỏng sâu	x
120	62.	Phẫu thuật ghép da dày tự thân kiểu wolf- krause ≥ 1% diện tích cơ thể ở trẻ em điều trị bỏng sâu	x
V	XII. UNG BƯỚU		
		L. PHẦN MỀM-XƯƠNG-KHỚP	
121	337.	Cắt u máu trong xương	x
122	338.	Bơm xi măng vào xương điều trị u xương	x
123	339.	Cắt u nang tiêu xương, ghép xương	x
124	340.	Cắt u tế bào khổng lồ, ghép xương	x
VI	XIII. PHỤ SẢN		
125	229.	Phá thai bằng thuốc cho tuổi thai đến 8 tuần	x
126	230.	Phá thai to từ 13 tuần đến 22 tuần bằng phương pháp đặt túi nước	x
VII	XVI. RĂNG HÀM MẶT		
		A. RĂNG	
127	62.	Phẫu thuật nội nha có cắt bỏ chân răng và một phần thân răng	x
128	196.	Mài chỉnh khớp cắn	x
		B. HÀM MẶT	
129	256.	Phẫu thuật điều trị can sai xương hàm trên	x
130	257.	Phẫu thuật điều trị can sai xương hàm dưới	x
131	307.	Phẫu thuật nối ống tuyến điều trị rò tuyến nước bọt mang tai	x
VIII	XVIII. ĐIỆN QUANG		
		6. Siêu âm tim, mạch máu	
132	46.	Siêu âm cầu nối động mạch tĩnh mạch	x
IX	XX. NỘI SOI CHẨN ĐOÁN CAN THIỆP		
133	96.	Nội soi khớp điều trị	x
X	XXIII. HÓA SINH		
		A. MÁU	
134	1.	Đo hoạt độ ACP (Phosphatase Acid)	x
135	2.	Định lượng ACTH (Adrenocorticotropic hormone)	x
136	4.	Định lượng ADH (Anti Diuretic Hormone)	x
137	6.	Định lượng Aldosteron	x
138	8.	Định lượng Alpha1 Antitrypsin	x
139	13.	Định lượng Anti CCP	x
140	17.	Định lượng Apo B (Apolipoprotein B)	x
141	54.	Định lượng D-Dimer	x

142	55.	Định lượng 25OH Vitamin D (D3)	x
143	56.	Định lượng Digoxin	x
144	57.	Định lượng Digitoxin	x
145	62.	Định lượng E3 không liên hợp (Unconjugated Estriol)	x
146	64.	Định lượng Fructosamin	x
147	73.	Định lượng GH (Growth Hormone)	x
148	81.	Định lượng HBsAg (HBsAg Quantitative) (CMIA / ECLIA)	x
149	85.	Định lượng HE4	x
150	89.	Định lượng IL-6 (Interleukin 6)	x
151	113.	Điện di Lipoprotein	x
152	122.	Đo hoạt độ P-Amylase	x
153	123.	Định lượng PAPP-A	x
154	141.	Định lượng Renin activity	x
155	144.	Định lượng SCC (Squamous cell carcinoma antigen)	x
		B. NƯỚC TIỂU	
156	182.	Định lượng Cocaine	x
157	200.	Điện di Protein nước tiểu (máy tự động)	x
XI	**XXVII. PHẪU THUẬT NỘI SOI**		
		A. SỌ NÃO - ĐẦU- MẶT- CỔ	
		2. Tuyến giáp, tuyến cận giáp	
158	48.	Phẫu thuật nội soi cắt 1 thuỳ tuyến giáp trong bướu giáp nhân	x
159	50.	Phẫu thuật nội soi cắt nhân tuyến giáp	x
		B. CỘT SỐNG	
160	64.	Phẫu thuật nội soi lấy nhân đệm cột sống thắt lưng qua đường liên bản sống	x
161	65.	Phẫu thuật nội soi lấy nhân đệm cột sống thắt lưng qua lỗ liên hợp	x
		D. BỤNG – TIÊU HOÁ	
		2. Dạ dày	
162	151.	Phẫu thuật nội soi điều trị xoắn dạ dày có kèm cắt dạ dày	x
		9. Đường mật	
163	272.	Phẫu thuật nội soi cắt túi mật, mở OMC lấy sỏi, dẫn lưu Kehr	x
		11. Lách	
164	298.	Phẫu thuật nội soi cắt lách	x
		E. CƠ QUAN VẬN ĐỘNG	
		1. Khớp vai	
165	443.	Phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng quạ đòn	x
166	444.	Phẫu thuật nội soi điều trị thoái khớp cùng đòn	x
167	445.	Phẫu thuật nội soi đính lại điểm bám gân nhị đầu	x
168	448.	Phẫu thuật nội soi khâu chóp xoay	x
169	449.	Phẫu thuật nội soi điều trị viêm khớp vai	x
		2. Khớp khuỷu	
170	452.	Phẫu thuật nội soi điều trị cứng khớp khuỷu	x
171	454.	Phẫu thuật nội soi điều trị viêm mỏm trên lồi cầu ngoài	x
		3. Khớp cổ tay	
172	455.	Phẫu thuật nội soi giải phóng ống cổ tay	x
173	456.	Phẫu thuật nội soi cắt u hoạt dịch cổ tay	x
		5. Khớp gối	
174	462.	Phẫu thuật nội soi khâu sụn chêm	x
175	465.	Phẫu thuật nội soi ghép sụn xương tự thân	x

176	468.	Phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng chéo trước bằng gân tứ đầu	x
177	469.	Phẫu thuật nội soi tái tạo lại dây chằng chéo trước	x
178	470.	Phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng chéo sau	x
179	471.	Phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng chéo trước bằng kỹ thuật hai bó	x
180	472.	Phẫu thuật nội soi điều trị mất vững bánh chè	x
181	473.	Phẫu thuật nội soi hỗ trợ điều trị gãy xương phạm khớp vùng gối	x
182	476.	Phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng chéo trước bằng gân achille đồng loại 1 bó	x

680

UBND TỈNH NINH THUẬN **SỞ Y TẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 1233/QĐ-SYT	*Ninh Thuận, ngày 13 tháng 4 năm 2016*

1904
18/4/16

QUYẾT ĐỊNH

V/v Phê duyệt bổ sung Danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh thực hiện tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Ninh Thuận

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Quyết định số 162/2008/QĐ-UB ngày 20/6/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của Sở Y tế Ninh Thuận;

Căn cứ Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Nghiệp vụ Y Sở Y tế và Giám đốc Bệnh viện đa khoa tỉnh Ninh Thuận,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt bổ sung ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh thực hiện tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Ninh Thuận, gồm có 03 nhóm và 14 kỹ thuật theo tuyến chuyên môn kỹ thuật thuộc tuyến 2, tuyến 3.

Điều 2. Bệnh viện đa khoa tỉnh Ninh Thuận có nhiệm vụ bảo đảm về cơ sở vật chất, trang thiết bị, nhân lực có trình độ chuyên môn để thực hiện các kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh đúng theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, ban hành.

Các Trưởng phòng Nghiệp vụ Y, Trưởng phòng Nghiệp vụ Dược, Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính Sở Y tế, Giám đốc Bệnh viện đa khoa tỉnh Ninh Thuận chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: - Như điều 3; - Giám đốc Sở; - BHXH tỉnh Ninh Thuận; - Lưu: VT 3	**GIÁM ĐỐC** **Lê Minh Định**

BỔ SUNG DANH MỤC KỸ THUẬT TRONG KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH TẠI BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH NINH THUẬN

(Kèm theo Quyết định số 233 /QĐ-SYT ngày 13 / 4 /2016 của Sở Y tế tỉnh Ninh Thuận)

STT	TT 43	DANH MỤC KỸ THUẬT	THỰC HIỆN TẠI BVĐK TỈNH	
			TUYẾN 2	TUYẾN 3
I	II. NỘI KHOA			
		D. THẬN TIẾT NIỆU		
1	214.	Nội soi bơm rửa niệu quản sau tán sỏi ngoài cơ thể	x	
II	XXI. THĂM DÒ CHỨC NĂNG			
		A. TIM, MẠCH		
2	11.	Nghiệm pháp rượu (Nghiệm pháp Ethanol)	x	
		H. NỘI TIẾT		
3	119.	Nghiệm pháp dung nạp Glucose đường uống (50g Glucose) 2 mẫu cho người bệnh thai nghén	x	
4	120.	Nghiệm pháp dung nạp glucose đường uống (75g Glucose) 3 mẫu cho người bệnh thai nghén	x	
5	121.	Nghiệm pháp dung nạp glucose đường uống (100g Glucose) 4 mẫu cho người bệnh thai nghén	x	
III	XXII. HUYẾT HỌC - TRUYỀN MÁU			
		A. XÉT NGHIỆM ĐÔNG MÁU		
6	13.	Nghiệm pháp rượu (Ethanol test)		x
7	45.	Định lượng Protein C toàn phần (Protein C Antigen)	x	
8	46.	Định lượng Protein S toàn phần	x	
9	47.	Định lượng hoạt tính Protein C (Protein Activity)	x	
10	48.	Định lượng Protein S tự do	x	
11	57.	Định lượng Heparin	x	
		D. HUYẾT THANH HỌC NHÓM MÁU		
12	287.	Định nhóm máu hệ ABO trên thẻ định nhóm máu (đã có sẵn huyết thanh mẫu) để truyền máu toàn phần, khối hồng cầu, khối bạch cầu		x
13	288.	Định nhóm máu hệ ABO trên thẻ định nhóm máu (đã có sẵn huyết thanh mẫu) để truyền chế phẩm tiểu cầu hoặc huyết tương		x
		Đ. MIỄN DỊCH HUYẾT HỌC		
14	325.	Kháng thể kháng dsDNA (anti-dsDNA) bằng kỹ thuật ELISA	x	

UBND TỈNH NINH THUẬN SỞ Y TẾ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 2070 /QĐ-SYT	*Ninh Thuận, ngày 13 tháng 6 năm 2016*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Phê duyệt bổ sung Danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh thực hiện tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Ninh Thuận

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Quyết định số 162/2008/QĐ-UB ngày 20/6/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của Sở Y tế Ninh Thuận;

Căn cứ Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Nghiệp vụ Y Sở Y tế và Giám đốc Bệnh viện đa khoa tỉnh Ninh Thuận,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt bổ sung ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh thực hiện tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Ninh Thuận, gồm có 04 nhóm và 11 kỹ thuật theo tuyến chuyên môn kỹ thuật thuộc tuyến 3 (có 02 kỹ thuật), tuyến 2 (có 09 kỹ thuật).

Điều 2. Bệnh viện đa khoa tỉnh Ninh Thuận có nhiệm vụ bảo đảm về cơ sở vật chất, trang thiết bị, nhân lực có trình độ chuyên môn để thực hiện các kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh đúng theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, ban hành.

Các Trưởng phòng Nghiệp vụ Y, Trưởng phòng Nghiệp vụ Dược, Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính Sở Y tế, Giám đốc Bệnh viện đa khoa tỉnh Ninh Thuận chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: - Như điều 3; - Lãnh đạo Sở; - BHXH tỉnh Ninh Thuận; - Lưu: VT. 5	GIÁM ĐỐC **Lê Minh Định**

BỔ SUNG DANH MỤC KỸ THUẬT TRONG KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH TẠI BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH NINH THUẬN

(Kèm theo Quyết định số 2070 /QĐ-SYT ngày 15 / 6 /2016 của Sở Y tế tỉnh Ninh Thuận)

STT	TT 43	DANH MỤC KỸ THUẬT	TUYẾN KỸ THUẬT
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*
I	II. NỘI KHOA		
		B. TIM MẠCH	
1	95.	Holter điện tâm đồ	3
2	96.	Holter huyết áp	3
3	101.	Nong và đặt stent động mạch vành	2
II	X. NGOẠI KHOA		
		B. TIM MẠCH - LỒNG NGỰC	
		4. Bệnh tim mắc phải	
4	241.	Kỹ thuật đặt bóng đối xung động mạch chủ	2
III	XVIII. ĐIỆN QUANG		
		Đ. KỸ THUẬT ĐIỆN QUANG MẠCH MÁU VÀ CAN THIỆP	
		8. Điện quang tim mạch	
5	657.	Chụp động mạch vành	2
6	658.	Chụp, nong động mạch vành bằng bóng	2
7	659.	Chụp, nong và đặt stent động mạch vành	2
IV	XXVII. PHẪU THUẬT NỘI SOI		
		Đ. TIẾT NIỆU-SINH DỤC	
		4. Tuyến tiền liệt	
8	396.	Cắt u phì đại lành tính tuyến tiền liệt qua nội soi	2
9	397.	Phẫu thuật nội soi cắt u tiền liệt tuyến triệt căn qua ổ bụng hoặc ngoài	2
10	398.	Nội soi bóc u tiền liệt tuyến lành tính	2
11	399.	Điều trị u xơ tiền liệt tuyến bằng laser	2